

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị cung cấp gói Mua sắm vắc xin dịch vụ năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc Hội;

Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 4 Luật số 57/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn dưới luật;

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-KSBT ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật về việc Ban hành Quy trình về trình tự và thủ tục mua sắm vắc xin để tiêm chủng theo hình thức dịch vụ;

Căn cứ Công văn số 698/KSBT ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật về việc phê duyệt chủ trương, dự toán mua sắm vắc xin nguồn dịch vụ năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật;

Căn cứ Biên bản ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Tổ Mua sắm về việc mở Hồ sơ báo giá và xét chọn đơn vị cung ứng vắc xin dịch vụ năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật;

Căn cứ Báo cáo đánh giá Hồ sơ báo giá số 15/BC-TMS ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Tổ mua sắm, tài sản, hàng hóa, dịch vụ năm 2025 về việc Mua sắm vắc xin dịch vụ năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật;

Căn cứ Tờ trình số 18/KSBT-TMS ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tổ mua sắm, tài sản, hàng hóa, dịch vụ năm 2025 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp Mua sắm vắc xin dịch vụ năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị cung cấp mua sắm vắc xin dịch vụ năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật. Cụ thể như sau:

Tổng giá trị: **14.081.817.500** đồng; (Bằng chữ: Mười bốn tỷ, không trăm tám mươi một triệu, tám trăm mười bảy ngàn, năm trăm đồng), cụ thể như sau:

1. Tên đơn vị cung cấp:

TT	Tên đơn vị cung cấp	Số lượng mặt hàng cung cấp	Giá trị cung cấp
01	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2	17	11.693.182.300 đồng
02	Công ty Cổ phần Vắc xin và sinh phẩm Nam Hưng Việt	07	859.003.700 đồng
03	Công ty Cổ phần y tế AMVGROUP	10	1.529.631.500 đồng
	Tổng cộng:		14.081.817.500 đồng

2. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định từng mặt hàng.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ năm 2025 của đơn vị.

(Danh mục hàng hoá từng nhà thầu đính kèm)

Điều 2. Khoa Dược – VTTYT, Phòng Tài chính – Kế toán, Phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ, Tổ mua sắm tài sản, hàng hoá, dịch vụ năm 2025 và các khoa phòng có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, TMS.



Nguyễn Hữu Định



DANH MỤC

kèm Quyết định số 91/QĐ-KSBT ngày 9 tháng 4 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật

Công ty Cổ phần Y tế AMV GROUP

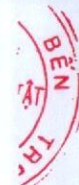
Địa chỉ: Lầu 4, tòa nhà AMV Group, số 951A Cách Mạng Tháng Tám, Phường 7, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

TT	Tên thương mại	Tên hoạt chất, Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số ĐK/ Giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT) (VND)	Thành tiền (Có VAT) (VND)
1	Heberbiovac HB	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết $\geq 95\%$), 20mcg/1ml	Tiêm bắp sâu	Hỗn dịch tiêm	Hộp 25 lọ x 1ml	Centro Nacional de Biopreparados (BIOCEN) (Center for Genetic Engineering and Biotechnology (CIGB))	CuBa	850310304424 (QLVX-0624-13)	Lọ	1,000	79,905	79,905,000
2	Heberbiovac HB	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết $\geq 95\%$), 10mcg/0,5ml	Tiêm bắp sâu	Hỗn dịch tiêm	Hộp 25 lọ x 0,5ml	Centro Nacional de Biopreparados (BIOCEN) (Center for Genetic Engineering and Biotechnology (CIGB))	CuBa	850310304224 (QLVX-0748-13)	Lọ	100	55,965	5,596,500
3	Vắc xin viêm gan A tinh khiết, bất hoạt HAVAX	Protein bao gồm kháng nguyên virus viêm gan A tinh khiết, <100mcg/0,5ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 0,5ml (1 liều)	Công ty TNHH MTV Vắc xin và Sinh phẩm số 1	Việt Nam	893310108024 (QLVX-1110-18)	Lọ	1,000	112,770	112,770,000
4	JEEV	Virus viêm não Nhật Bản bất hoạt, tinh khiết (chủng SA 14-14-2), 3mcg/0,5ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Lọ vắc xin 3mcg/0,5ml, Hộp 10 lọ	Biological E. Limited	Ấn Độ	890310108424 (VX3-1178-20)	Lọ	500	253,000	126,500,000
5	JEEV	Virus viêm não Nhật Bản bất hoạt, tinh khiết (chủng SA 14-14-2), 6mcg/0,5ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Lọ vắc xin 6mcg/0,5ml, Hộp 10 lọ	Biological E. Limited	Ấn Độ	890310108324 (VX3-1179-20)	Lọ	1,000	352,000	352,000,000

TT	Tên thương mại	Tên hoạt chất, Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số ĐK/ Giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT) (VND)	Thành tiền (Có VAT) (VND)
6	Quimi-Hib	Polysaccharide polyribosylribitolphosphate (PRP) cộng hợp với giải độc tố uốn ván, 10 mcg PRP cộng hợp với (20,8-31,25 mcg) giải độc tố uốn ván/0,5 ml	Tiêm bắp	Dung dịch tiêm	Hộp 25 lọ x 0,5ml	Centro Nacional de Biopreparados (BIOCEN) (Center for Genetic Engineering and Biotechnology (CIGB))	CuBa	850310304324 (QLVX-987-17)	Lọ	500	194,250	97,125,000
7	Vắc xin uốn ván bạch hầu hấp phụ (Td)	Giải độc tố uốn ván tinh chế; Giải độc tố bạch hầu tinh chế; Ít nhất 20 đvqt giải độc tố uốn ván tinh chế; ít nhất 2 đvqt giải độc tố bạch hầu tinh chế/0,5ml	Tiêm bắp sâu	Hỗn dịch tiêm	Hộp 20 ống, mỗi ống chứa 0,5ml - 1 liều	Viện Vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	QLVX-943-16	Ống	1,000	31,445	31,445,000
8	Rotavin	Virus Rota sống, giảm độc lực typ G1P [8], ≥ 2 triệu PFU/2ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp nhỏ chứa 01 lọ x 2ml; Hộp to chứa 10 hộp nhỏ; Hộp 10 lọ x 2ml	Trung tâm nghiên cứu sản xuất vắc xin và sinh phẩm y tế	Việt Nam	893310109424 (QLVX-1039-17)	Lọ	500	339,780	169,890,000
9	IVACFLU-S (Vắc xin cúm mùa dạng mảnh bất hoạt)	Kháng nguyên bề mặt tinh chế virus cúm của các chủng: - Chủng A/H1N1 - Chủng A/H3N2 - Chủng B, (15mcg chủng A/H1N1 + 15mcg chủng A/H3N2 + 15mcg chủng B)/0,5ml	Tiêm bắp	Dung dịch tiêm	Hộp chứa 10 lọ vắc xin (mỗi lọ 0,5ml - 1 liều)	Viện Vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	QLVX-H03-1137-19	Lọ	500	149,100	74,550,000



TT	Tên thương mại	Tên hoạt chất, Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số ĐK/ Giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT) (VND)	Thành tiền (Có VAT) (VND)
10	GCFlu Quadrivalent Pre-filled Syringe inj	- Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A H1N1 - Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A H3N2 - Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm B - Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm B, (Type A H1N1 - 15mcg; type A H3N2 - 15mcg; type B - 15mcg; type B - 15mcg)/0,5ml	3	Hỗn dịch tiêm	Hộp chứa 10 bơm tiêm đóng sẵn x 0,5ml	GC Biopharma Corp	Hàn Quốc	880310646124 (VX3-1229-21)	Liều	2,000	239,925	479,850,000
Tổng cộng: 10 khoản												1,529,631,500
Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm hai mươi chín triệu, sáu trăm ba mươi một ngàn, năm trăm đồng												





DANH MỤC

Đính kèm Quyết định số 97 /QĐ-KSBT ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật

Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2

Địa chỉ: 24 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số ĐK/ Giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT) (VNĐ)	Thành tiền (Có VAT) (VNĐ)
1	IMOJEV 0.5ML 1DOSE	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin hoàn nguyên chứa: Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực	4,0 - 5,8 log PFU	Tiêm	Bột đông khô	Hộp 1 lọ chứa 1 liều vắc xin bột đông khô và 1 lọ dung môi chứa 0,5ml dung dịch NaCl 0,4% vô khuẩn kèm 1 bơm tiêm và 2 kim tiêm	Global Biotech Products Co. Ltd	Thái Lan	885310306 024	Lọ	300	632,016	189,604,800
2	Gardasil 9 0.5ml 1's	Mỗi liều 0,5mL chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	0.5ml	Tiêm bắp	Hỗn Dịch Tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn 0,5 mL vắc xin và 2 kim tiêm	CSSX & ĐG cấp 1: Merck Sharp & Dohme LLC.; CSDG cấp 2 & xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme B.V	CSSX & ĐG cấp 1: Hoa Kỳ, CSDG cấp 2 & xuất xưởng: Hà Lan	VX3-1234-21	Bơm tiêm	2,000	2,572,500	5,145,000,000

TT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số ĐK/ Giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT) (VNĐ)	Thành tiền (Có VAT) (VNĐ)
3	Gardasil Inj 0.5ml 1's	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin tái tổ hợp tứ giá phòng vi-rút HPV ở người tít 6,11,16,18 chứa protein L1 HPV6: 20mcg; protein L1 HPV11: 40mcg; protein L1 HPV16: 40mcg và protein L1 HPV18: 20mcg	0.5ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 lọ x 0,5ml	CSSX thuốc thành phẩm: Merck Sharp & Dohme LLC.; CSĐG thứ cấp: Merck Sharp & Dohme B.V	CSSX thuốc thành phẩm: Mỹ, CSĐG thứ cấp: Hà Lan	QLVX-883-15	Lọ	1,000	1,509,600	1,509,600,000
4	SHINGRIX 50MCG/0.5ML 1DOSE	Mỗi liều 0,5ml sau hoàn nguyên chứa 50mcg kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster (VZV) được bổ trợ với AS01B	Mỗi liều 0,5ml sau hoàn nguyên chứa 50mcg kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster (VZV) được bổ trợ với AS01B	Tiêm bắp	Bột và hỗn dịch pha hỗn dịch tiêm	Hộp 1 lọ bột đông khô chứa 50mcg kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster và 1 lọ chứa 0,5ml hỗn dịch chất bổ trợ AS01B	CSSX kháng nguyên gE, SX và đóng gói cấp 1 chất bổ trợ AS01B: GlaxoSmithKline Biologicals SA; CS đóng gói cấp 1 kháng nguyên gE: GlaxoSmithKline Biologicals; CS đóng gói cấp 2: GlaxoSmithKline Vaccines S.r.l; CSXX: GlaxoSmithKline Biologicals SA	CSSX kháng nguyên gE, SX và đóng gói cấp 1 chất bổ trợ AS01B: Bi; CS đóng gói cấp 1 kháng nguyên gE: Pháp; CS đóng gói cấp 2: Ý; CSXX: Bi	540310303 224	Hộp	200	3,395,385	679,077,000

TÊN
 KIỂM
 TRA

TT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số ĐK/ Giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT) (VNĐ)	Thành tiền (Có VAT) (VNĐ)
5	Infanrix Hexa Via 0.5ml 1's	Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tổ bạch hầu ≥ 30 IU; Giải độc tổ uốn ván ≥ 40 IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tổ ho gà 25mcg và ngưng kết tổ hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza týp b 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tổ uốn ván như protein chất mang	≥ 30 IU; ≥ 40 IU; 25 mcg; 25 mcg; 8 mcg; 10mcg; 40 DU; 8 DU; 32 DU; 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tổ uốn ván	Tiêm bắp	Bột đông khô Hib và hỗn dịch (DTPa - HBV-IPV) để pha hỗn dịch tiêm	Hộp chứa 1 bơm tiêm đóng sẵn DTPa-HBV-IPV, 1 lọ bột đông khô Hib và 2 kim tiêm	CSSX: GlaxoSmithKline Biologicals ; CSXX: GlaxoSmithKline Biologicals SA	CSSX: Pháp ; CSXX: Bi	300310036 823	Liều	500	864,000	432,000,000
6	Varivax & Diluent Inj 0.5ml 1's	Oka/Merck varicella virus, live, attenuated ≥ 1350 PFU/lọ	≥ 1350 PFU/lọ	Tiêm	Bột đông khô kèm lọ dung môi	Hộp 1 lọ bột đơn liều kèm 1 lọ dung môi	CSSX & ĐG sơ cấp: Merck Sharp & Dohme LLC; CSĐG thứ cấp & XX: Merck Sharp & Dohme B.V; CSSX dung môi: Jubilant HollisterStier LLC	CSSX & ĐG sơ cấp: Mỹ, CSĐG thứ cấp & XX: Hà Lan, CSSX Dung môi: Mỹ	001310037 823	Lọ	1,000	872,195	872,195,000

TT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số ĐK/ Giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT) (VNĐ)	Thành tiền (Có VAT) (VNĐ)
7	Varilrix 0.5ml 1Dose	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA) $\geq 10^{3.3}$ PFU	$\geq 10^{3.3}$ PFU	Tiêm dưới da	Bột đông khô và dung dịch pha tiêm	Hộp 1 lọ vắc xin đông khô, 1 bơm tiêm đóng sẵn dung môi hoàn nguyên (0,5ml) và 2 kim tiêm	CSSX: Corixa Corporation dba GlaxoSmithKline Vaccines; CSSX ống dung môi: Catalent Belgium SA; Aspen Notre Dame de Bondeville; CS xuất xưởng: GlaxoSmithKline Biologicals S.A; CS đóng gói: GlaxoSmithKline Biologicals S.A	CSSX: Mỹ; CSSX ống dung môi: Bỉ / Pháp; CS xuất xưởng: Bỉ; CS đóng gói: Bỉ	001310177 800 (QLVX-1139-19)	Hộp	500	764,000	382,000,000
8	Rotateq 2ml 10's	Mỗi 2ml dung dịch chứa: Rotavirus G1 human-bovine reassortant $\geq 2,2$ triệu IU; Rotavirus G2 human-bovine reassortant $\geq 2,8$ triệu IU; Rotavirus G3 human-bovine reassortant $\geq 2,2$ triệu IU; Rotavirus G4 human-bovine reassortant $\geq 2,0$ triệu IU; Rotavirus P1A(8) human-bovine reassortant $\geq 2,3$ triệu IU	2ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 10 túi x 1 tuýp nhựa 2ml	Merck Sharp & Dohme LLC.	Mỹ	QLVX-990-17	Tuýp	300	535,320	160,596,000
9	Rotarix vial 1.5ml 1's	Mỗi liều 1,5ml chứa Rotavirus ở người sống giảm độc lực, chủng RIX4414 $\geq 10^{6.0}$ CCID ₅₀	$\geq 10^{6.0}$ CCID ₅₀	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 1 ống x 1,5ml	CSSX: GlaxoSmithKline Biologicals S.A ; CSXX: GlaxoSmithKline Biologicals S.A	CSSX: Bỉ ; CSXX: Bỉ	540310037 023	Ống	500	700,719	350,359,500

TT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số ĐK/ Giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT) (VNĐ)	Thành tiền (Có VAT) (VNĐ)
10	Priorix 0.5ml Vial 1's	Virus sởi sống, giảm độc lực (chủng Schwarz); Virus quai bị sống, giảm độc lực (chủng RIT 4385); Virus rubella sống, giảm độc lực (chủng Wistar RA 27/3)	$\geq 10^{3,0}$ CCID ₅₀ ; $\geq 10^{3,7}$ CCID ₅₀ ; $\geq 10^{3,0}$ CCID ₅₀	Tiêm dưới da	Bột vắc xin đông khô	Hộp 1 lọ vắc xin đông khô, 1 bơm tiêm đóng sẵn dung môi (nước cất pha tiêm) x 0,5ml và 2 kim tiêm	* CSSX vắc xin (tạo công thức, đóng ống, đông khô): FIDIA Farmaceutici S.p.a; * CSDG thành phẩm (Vắc xin và nước pha tiêm): GlaxoSmithKline Biologicals S.A.; * Cơ sở xuất xưởng thành phẩm: GlaxoSmithKline Biologicals S.A.; * Cơ sở sản xuất nước pha tiêm: - Aspen Notre-Dame de Bondeville - Catalent Belgium SA - GlaxoSmithKline Biologicals S.A.	* CSSX vắc xin (tạo công thức, đóng ống, đông khô): Ý; * CSDG thành phẩm (Vắc xin và nước pha tiêm): Bỉ; * Cơ sở xuất xưởng thành phẩm: Bỉ; * CSSX nước pha tiêm: Pháp - Bỉ - Bỉ	VX-1225-21	Hộp	500	270,000	135,000,000
11	M-M-R II & Dung Dịch Pha 0.5ml 10's	Lọ (0.5ml): Vi-rút sởi ≥ 1.000 CCID ₅₀ ; Vi rút Quai bị ≥ 12.500 CCID ₅₀ ; Vi rút Rubella ≥ 1.000 CCID ₅₀	0.5ml	Tiêm bắp (IM) hoặc tiêm dưới da (SC)	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 10 lọ vắc xin đơn liều kèm hộp 10 lọ dung môi pha tiêm	CSSX & ĐG cấp 1: Merck Sharp & Dohme LLC; CSDG cấp 2 & XX: Merck Sharp & Dohme B.V; CSSX dung môi: Jubilant HollisterStier LLC.	CSSX & ĐG cấp 1: Mỹ, CSDG cấp 2 & XX: Hà Lan, CSSX Dung môi: Mỹ	QLVX-878-15	Lọ	500	217,256	108,628,000

TT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số DK/ Giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT) (VND)	Thành tiền (Có VAT) (VND)
12	Synflorix Inj 0.5ml 1Dose	Một liều (0,5ml) chứa 1 mcg polysaccharide của các týp huyết thanh 1 ^{1,2} , 5 ^{1,2} , 6B ^{1,2} , 7F ^{1,2} , 9V ^{1,2} , 14 ^{1,2} , 23F ^{1,2} và 3 mcg của các týp huyết thanh 4 ^{1,2} , 18C ^{1,3} , 19F ^{1,4}	1mcg; 3mcg	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp chứa 1 bơm tiêm đóng sẵn 1 liều (0,5ml) vắc xin và 1 kim tiêm	CSSX & đóng gói: GlaxoSmithKline Biologicals ; CSXX: GlaxoSmithKline Biologicals S.A	CSSX và đóng gói: Pháp; Chứng nhận xuất xưởng: Bỉ	QLVX-1079-18	Liều	300	829,900	248,970,000
13	PNEUMOVAX 23 0.5ML 1'S	Mỗi liều vắc-xin (0,5 ml) chứa 25mcg mỗi loại trong số 23 loại huyết thanh polysaccharide của phẩy cầu khuẩn Đan Mạch: 1, 2, 3, 4, 5, 6B, 7F, 8, 9N, 9V, 10A, 11A, 12F, 14, 15B, 17F, 18C, 19A, 19F, 20, 22F, 23F, 33F	0,5ml	Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da	Dung dịch tiêm	Hộp chứa 1 bơm tiêm đóng sẵn 0,5ml kèm 2 kim tiêm riêng biệt	Cơ sở sản xuất và đóng gói cấp 1: Merck Sharp & Dohme LLC; Cơ sở đóng gói cấp 2 và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme B.V.	CSSX & Đóng gói cấp 1: Mỹ; CSĐG cấp 2 & XX: Hà Lan	001310303 524	Bơm tiêm	100	820,768	82,076,800

TT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số ĐK/ Giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT) (VNĐ)	Thành tiền (Có VAT) (VNĐ)
14	Prevenar 13 0.5ml Inj 1's	Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg	Mỗi bơm tiêm chứa một liều đơn 0.5ml có chứa: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn 1 liều đơn 0,5ml thuốc kèm 1 kim tiêm riêng biệt	Cơ sở sản xuất và đóng gói cấp 1: Pfizer Ireland Pharmaceuticals; Cơ sở đóng gói cấp 2 và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Belgium NV	Cơ sở sản xuất và đóng gói cấp 1: Ai Len, Cơ sở đóng gói cấp 2 và xuất xưởng: Bỉ	QLVX-H03-1142-19	Bơm tiêm	300	1,077,300	323,190,000
15	Boostrix 0.5ml 1Dose	Một liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 2IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 20IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 8mcg; ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 8mcg và Pertactin 2,5mcg	Một liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 2IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 20IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 8mcg; ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 8mcg và Pertactin 2,5mcg	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp chứa 1 bơm tiêm đóng sẵn liều 0,5ml và 2 kim tiêm	CSSX: GlaxoSmithKline Biologicals; CSXX: GlaxoSmithKline Biologicals SA	CSSX: Pháp; CSXX: Bỉ	300310036 923	Hộp	500	598,000	299,000,000

TT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số ĐK/ Giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT) (VNĐ)	Thành tiền (Có VAT) (VNĐ)
16	Twintix Via 1ml 1's	Mỗi liều 1,0ml chứa: Hepatitis A virus antigen (HM175 strain) 720 Elisa units; r-DNA Hepatitis B Virus surface antigen (HBsAg) 20mcg	720 Elisa units; 20mcg	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 01 bom tiêm đồng sản xin (1,0 ml) và 1 kim tiêm	CSSX dạng bảo chế & CS đóng gói sơ cấp: GlaxoSmithKline Biologicals NL der SmithKline Beecham Pharma GmbH & Co. KG; CS đóng gói thứ cấp: GlaxoSmithKline Biologicals S.A.; CSXX: GlaxoSmithKline Biologicals S.A	CSSX dạng bảo chế & CS đóng gói sơ cấp: Đức; CS đóng gói thứ cấp & CS xuất xương: Bỉ	400310177 900 (QL.VX- 1078-18)	Hộp	1.000	469,900	469,900,000
17	BEXSERO 0.5ML IDOSE	Mỗi liều (0,5 ml) có chứa: - Protein tổng hợp (fusion protein) NHBA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp; 50mcg; - Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp; 50mcg; - Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp; 50mcg; - Túi màng ngoài từ Neisseria meningitidis nhóm B chủng NZ98/254 được đo bằng tổng lượng protein có chứa PorA P1.4; 25mcg	Mỗi liều (0,5 ml) có chứa: - Protein tổng hợp (fusion protein) NHBA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp; 50mcg; - Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp; 50mcg; - Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp; 50mcg; - Túi màng ngoài từ Neisseria meningitidis nhóm B chủng NZ98/254 được đo bằng tổng lượng protein có chứa PorA P1.4; 25mcg	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp chứa 01 bom tiêm đóng sản 01 liều và 02 kim tiêm	GlaxoSmithKline Vaccines S.r.l	Ý	800310090 123	Hộp	200	1,529,926	305,985,200
Tổng cộng: 17 KHOẢN													11,693,182,300

Bảng chú: Mười một tỷ, sáu trăm chín mươi ba triệu, một trăm tám mươi hai ngàn, ba trăm đồng.

DANH MỤC

Đính kèm Quyết định số 98/QĐ-KSBT ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật

CÔNG TY CỔ PHẦN VẮC XIN VÀ SINH PHẨM NAM HƯNG VIỆT

Đc: Số 44 Đường 12, Khu Đô Thị Mới Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

TT	Tên thương mại	Tên hoạt chất, Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số DK/ Giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT) (VNĐ)	Thành tiền (Có VAT) (VNĐ)
1	Vắc xin viêm gan B tái tổ hợp - Gene-HBVAX	Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B tinh khiết ≈ 10mcg/0,5ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 0,5ml	Công ty TNHH MTV vắc xin và sinh phẩm số 1 (Vabiotech)	Việt Nam	893310036423 (QLVX-1043-17)	Lọ	100	56,070	5,607,000
2	Vắc xin viêm gan B tái tổ hợp Gene-HBVAX	Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B tinh khiết ≈ 20mcg/1ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 1ml	Công ty TNHH MTV vắc xin và sinh phẩm số 1 (Vabiotech)	Việt Nam	893310036523 (QLVX-1044-17)	Lọ	300	80,640	24,192,000
3	Measles, Mumps and Rubella Vaccine Live, Attenuated (Freeze-Dried)	Mỗi liều vắc xin hoàn nguyên 0,5ml chứa: Virus sởi ≥1000 CCID ₅₀ ; Virus quai bị ≥5000 CCID ₅₀ ; Virus rubella ≥1000 CCID ₅₀	Tiêm dưới da sâu	Bột đông khô	Hộp 50 lọ bột đông khô x 1 liều vắc xin và 50 ống dung môi nước cất pha tiêm 0,5ml	Serum Institute of India Private Limited	Ấn Độ	890310304524 (QLVX-1045-17)	Lọ	100	175,182	17,518,200
4	VA-MENGOC-BC	Mỗi liều 0,5ml chứa: Protein màng ngoài não mô cầu nhóm B 50µg; Polysaccharide vỏ não mô cầu nhóm C 50µg	Tiêm bắp sâu	Hỗn dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 0,5ml	Instituto Finlay de Vacunas	Cu Ba	850310110724 (QLVX-H02-985-16)	Lọ	1,000	175,392	175,392,000
5	MVVAC	Virus Sởi sống, giảm độc lực, chủng AIK-C ≥ 1000PFU/liều 0,5ml	Tiêm dưới da	Bột đông khô pha tiêm	1 hộp vắc xin chứa 10 lọ vắc xin sởi đông khô (10 liều/lọ), 1 hộp nước hồi chính chứa 10 lọ (6ml/lọ)	Trung tâm nghiên cứu, sản xuất vắc xin và sinh phẩm y tế (POLYVAC)	Việt Nam	QLVX-880-15	Lọ	200	353,010	70,602,000
6	Vắc xin Tả uống - mORCVAX	Mỗi liều 1,5ml vắc xin chứa: V.cholerae O1, El Tor, Phil.6973 (bất hoạt bằng formaldehyde) 600E.U.LPS; V.cholerae O139, 4260B (bất hoạt bằng formaldehyde) 600 E.U.LPS; V.cholerae O1, Cairo 50 (bất hoạt bằng formaldehyde) 300 E.U.LPS; V.cholerae O1, Cairo 50 (bất hoạt bằng nhiệt độ); V.cholerae O1, Cairo 48 (bất hoạt bằng nhiệt độ) 300 E.U.LPS	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 10 lọ x 1,5ml - 1 liều	Công ty TNHH MTV vắc xin và sinh phẩm số 1 (Vabiotech)	Việt Nam	QLVX-825-14	Lọ	500	75,385	37,692,500

TT	Tên thương mại	Tên hoạt chất, Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số ĐK/ Giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT) (VND)	Thành tiền (Có VAT) (VND)
7	INFLUVAC TETRA	Mỗi 0,5ml vắc xin chứa: A/Darwin/9/2021(H3N2)-like strain (A/Darwin/9/2021, SAN-010) 15mcg haemagglutinin, A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09-like strain(A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15mcg haemagglutinin, B/Austria/1359417/2021-like strain (B/Austria/1359417/2021, BVR-26) 15mcg haemagglutinin, B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type) 15mcg haemagglutinin	Tiêm bắp hoặc tiêm sâu dưới da	Hỗn dịch tiêm	Hộp có 1 xy lanh chứa 0,5ml hỗn dịch.	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	870310304024 (VX3-1228-21)	Bom tiêm	2,000	264,000	528,000,000
TỔNG CỘNG: 07 KHOẢN											859,003,700	
Bằng chữ: Tám trăm năm mươi chín triệu, không trăm lẻ ba ngàn, bảy trăm đồng												

